NĂM THỨ NĂM Số 183 Thứ năm, 19 tháng tư 1945

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Góp chút ý mọn vào công cuộc kiến-thiết — *Hoa-Bằng*
* Trời chửa tan sương — *Ngân-Giang*
* Những truyện vẻ vang trong sử Đại-Việt (I) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Những ông nghè triều Lê (CVI) — *Ưng-Hòe*
* Bài điếu Dương-bá-Trạc — *Bùi-Kỷ*
* Sự thực về việc phá thành Hà-nội năm Nhâm-ngọ (1882) — *Tiên-Đàm*
* Phải chăng Trạng Trình đã tiên đoán nền độc lập Việt-Nam ? — *Phạm mạnh Phan*
* Đại Nam dật sự (LIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Ao-tư (tiểu-thuyết, XXVIII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

Góp chút ý mọn vào

CÔNG CUỘC KIẾN - THIẾT

HOA-BẰNG

Sau cuộc đảo chính bữa 9 tháng ba 1945, chúng ta đã đi vào một giai đoạn lịch-sử mới, sống trong một kỷ nguyên mới.

Phàm là dân nước ngày nay, ai cũng phải lo làm trọn nghĩa vụ một người công dân đối với tổ quốc. Những cái thành-kiến có hại, những cái quan niệm không hợp thời, từ nay nhất nhất phải gột rửa cho sạch lâng, bài trừ cho triệt-để.

Trước hết ta hãy tẩy sạch những tư-tưởng độc thiện, luận điệu vị ngã, rất trở ngại đến cuộc tiến hóa chung.

« *Thành đổ đã có vua xây,*
« *Việc gì gái góa lo ngày, lo đêm !* »

Câu đó bây giờ không thích hợp nữa. Vì cái « thành » vững hay đổ, có quan hệ mật thiết đến vận mạnh toàn thể nhân dân ở trong thành ấy, không cứ giai gái trẻ già ai cũng có trách nhiệm phải lo lắng cả. Ở đời « hợp đàn nên sức mạnh » này, hết thảy đều có nghĩa-vụ phải lo đến « thành », xây lấy « thành », rồi mới được hưởng cái quyền lợi an cư lạc nghiệp ở trong « thành ». Vậy không nên khư khư chỉ biết bảo thủ lấy phận mình, ngoài nhà cửa vợ con, không quan tâm, không để ý đến việc đời, việc nước được.

Xin lấy ngay việc « xây thành » làm thí dụ cho dễ hiểu :

« Thành » là một lợi-khí để ngăn ngừa quân địch, chống cự ngoại xâm. Từ tài-sản đến tính-mệnh của dân trong thành đều gửi cả ở đó. Nếu ai đã là dân trong thành mà không để tâm đến thành và không làm bổn phận đối với thành thì là hạng người ích kỷ, có tội, không thể tha thứ được. Ngay như công việc xây thành, một khi hiểu theo quan niệm tổ-chức xã hội ngày nay, thì quyết không phải do một ông vua đứng xây dựng. Vì từ một viên gạch, một tảng đá đến một chậu vôi, một thúng cát đều có cái tương quan rất mật thiết ở trong đoàn-thể xã-hội. Mà dù xây thành có do mệnh lệnh một ông vua xướng-suất ra đi nữa, cũng phải trích tiền trong công khố do nhân dân đóng xưu góp thuế mà có ; đến khi thực hành cũng phải trải qua biết bao thủ-tục : nào cuộc tính-toán của các kỹ-sư, nào sự lao lụng của các thợ thuyền lao động... Một gái góa cũng là một phần tử trong xã-hội sao lại không nên tỏ ý hợp tác, góp lo vào cuộc xây dựng công-cộng ấy ?

***

Nhân ý đó suy ra, chúng ta từ nay không thể nói theo câu « vị ngã » này :

« Tự gia *chỉ tảo* (1) môn tiền tuyết, quản vãn tha nhân ngõa thượng sương » (Ta chỉ nên quét những tuyết ở trước cửa nhà mình, chứ không cần hỏi đến sương ở mái ngói nhà người khác), nhưng ai nấy đều nên hô-hoán một khẩu hiệu : « *Quốc gia hưng vong, sất phu hữu trách* ».

Thế nhưng bây giờ muốn góp ý niệm của một sất phu để tỏ rằng mình cũng có trách nhậm trong cuộc hưng hay vong của quốc gia thì nên thế nào ?

Không kể công việc chính-trị do những phần-tử đủ tài lực, đủ tư-cách, đủ tín nhiệm, nói tóm là đủ điều kiện, cần phải đứng lên cáng đáng, tổ chức ra, chúng ta giờ hãy thử thảo luận về một vài phương diện như văn-hóa chẳng hạn.

Nói đến « kiến thiết », bây giờ bắt đầu làm những việc gì ? Chúng tôi xin tạm bày tỏ một vài thiển kiến :

1) *Cưỡng bách giáo dục.* — Một nước tiến bộ hay thoái bộ

(1) *Hoặc « hảo đả »*

là quan-hệ ở đại chúng. Nếu toàn-thể xã-hội còn nhiều người thất học, nhiều người dốt, thì dù có một dúm thạc-sĩ, bác-sĩ đi nữa, xã-hội ấy cũng chưa thể gọi là tiến-hóa được.

Trước đây, trong thời-kỳ Pháp-thuộc, họ cho việc giáo-dục là cái ơn riêng chứ không phải là bổn-phận của Chính-phủ đối với dân chúng, nên số người được may mắn đi học hãy còn ít ỏi lắm. Bây giờ khác, sự giáo-dục là bổn-phận của Chính-phủ phải làm cho dân chúng. Vì dân đã làm trọn các nghĩa vụ là đóng xưu thuế rồ tất phải được hưởng quyền lợi như được giáo dược dục v.v.

Một khi toàn thể dân chúng đều biết đọc biết viết cả, ai cũng biết qua những yếu tố làm một người công dân thì bấy giờ công việc huấn luyện chắc sẽ dễ dàng, trình-độ đại chúng chắc sẽ tấn-tới trông thấy.

2) *Mở mang dân trí.* — Người Pháp bấy lâu vẫn quen dùng cái chính sách ngu dân, mục đích cốt để dân ta cứ luẩn-quẩn trong vòng ngu muội, không sao tiến kịp thời gian, để họ dễ bề thống-trị. Ở các trường, họ dạy cho lối học nhồi sọ, ở dân quê, họ hết sức bưng-bít rào chắn, nên trình-độ dân chúng ta nay, trừ một số ít đã giác ngộ, phần đông hãy còn như say, như mộng cả.

Sự cần kíp bây giờ là phải lo ngay đến việc mở dân trí.

Nên có những tổ-chức hợp pháp đảm nhận lấy công việc đi mở trí dân bằng toàn, chia đi các nơi thôn quê, để giảng cho dân chúng những môn thường thức về công dân giáo-dục, về vệ sinh, về y-học, về luật pháp, về nông phố v.v. Để giúp vào việc ấy, nên có những « thư viện lưu hành », cuộc chớp bóng lộ thiên và máy truyền thanh để làm cho được việc.

3) *Nâng cao đạo đức.* — Người mình vốn có tiếng là một nước văn biến, rất trọng cần, kiệm, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ; chỉ vì từ khi Pháp thuộc đến giờ, trong vòng ngót một thế-kỷ, phần vì bị kinh tế áp-bách, nên đổi phải an vụng, tùng phi làm càng, phần vì chịu ảnh hưởng những thói kiểu ra dám đất

(Xem tiếp trang 20)

TRỜI CHỬA TAN SƯƠNG...

Sớm nay trời chửa tan sương,
Tôi nghe thoáng thấy bên đường tiếng rên.
Trạnh lòng mở cửa ra xem,
Nằm trơ dưới đất một em trần truồng.
Đưa tay ra đỡ vội vàng;
— « Mẹ đâu mà phải nhỡ-nhàng thế con ? »
Ám-u như xác không hồn,
Nói qua máng lệ giọng buồn mông-mênh :
— « Đêm qua mẹ tôi bên mình,
« Chợt khi tỉnh dậy, nhìn quanh, không người !
« Bây giờ mẹ tôi đâu rồi ?
« Bà ôi ! chỉ lối cho tôi theo tìm ? »
— « Hiền rồi, đành nín đi em !
« Em là một cảnh trong nghìn cảnh thương.
« Đây chiếc áo, đây bát cơm,
« Tạm dùng giữa lúc nhỡ-nhàng khó khăn.
« Mai ngày nhẫn-nại xin ăn,
« Giờ xa mẹ, có lúc gần, không sao ! »
Nhận rồi, trẻ bước lao-đao,
Nhìn theo, tôi thấy nghẹn-ngào bâng-khuâng...

Trời xuân tuy đã sáng dần,
Phương Nam vẫn đám mây vần chưa tan.

(Mùa xuân năm Ất dậu)

NGÂN-GIANG

NHỮNG TRUYỆN VẺ-VANG TRONG SỬ ĐẠI-VIỆT

Số 1

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nay nước ta lấy lại được quyền tự-chủ, thì càng nên nhớ đến những bậc đã đắp nền xây móng cho ta, như Trưng-Vương, Lý Bí, Ngô-Quyền, Lê-Lợi,... đều là những bậc đã làm hiển-hách cho nước ta. Truyện các bậc ấy chép bằng chữ nho, đã có người dịch quốc-ngữ, nhưng chưa ai góp tất cả làm một

Ông Nguyễn-Lân có ra một bộ sách đề là *Những trang sử vẻ vang*: quyển thứ nhất đã phê-bình ở *Tri-Tân* số 169, ngày 7-12-1944.

Nay ông Lân ra quyển thứ hai, được 165 trang, khổ giấy 12x18. Có ba mươi mốt truyện ngắn, từ bài *Kỷ-Tịn nước Đại-Việt* đến bài *Nam Bắc một nhà*.

Văn nghe dễ dãi, chuyện chép gọn gàng, có thể gọi là một quyển sử phổ-thông cho tất cả các hạng người trong nước. Hiềm có vài chỗ sai, như trang 10, ông Lân chép *Lê-Lai* « người làng Dựng-Tú » và chua rằng « thuộc Lam-sơn Thanh-hóa ». Xem *Đại-Việt thông-sử* (bản sao trường Bác-cổ, số A 1389, q. 31, tờ 29 a) của Lê-quý-Đôn, thì chép « thôn Dựng-Tú » chứ không phải làng, thuộc « sách Đức-giang, huyện Lương-giang nay là huyện Thụy-nguyên » chứ không phải thuộc Lam-sơn; duy *Việt-sử tổng-vịnh* (q 5, tờ 18 b) chép « Lam sơn Dựng-tú lân » nghĩa là « Người thôn Dựng-tú làng Lam-sơn »: thế thì Dựng-tú cũng là tên thôn, chứ không phải tên làng. Tuy là nhầm nhỏ, nhưng đối với việc chép sử, cần phải làm kỹ, đừng nên để cho người sau theo cái nhầm của mình.

Trang 11, ông Lân viết « cung điện hóa thành núi rừng, bảo-ấn hóa thành đồng sắt, gươm thần hóa ra giặc giã đao binh ». *Đại-Việt thông-sử* q. 31, tờ 29 b) chép thảo điện thành sơn lâm, bảo ấn thành đồng, thần kiếm thành đao binh » nghĩa là « điện cỏ thành núi rừng (điện cỏ là điện lợp bằng cỏ tranh hay lá-gồi, chứ không phải lợp ngói; *Khâm-định Việt-sử* q. 15, tờ 26 a chép là hành điện) bảo-ấn (tức ấn bằng vàng hay ngọc) hóa thành đồng (chứ không phải đồng sắt), gươm thần hóa làm đao binh (thừa chữ giặc giã) ».

Cả mấy câu chữ nho ở trang 12, cũng viết sai và dịch hụt nghĩa. Ông Lân chép: « Nhất môn trung hiếu, liên nãi tổ nãi phụ chi tử-tuy; dịch thế huân danh, nghị nhĩ công nhĩ hầu chi tế-mỹ ». *Đại Việt thông-sử* (q. 31, tờ 32 b) viết chữ diệp « *diệc* trên *đại* dưới » chứ không phải « *mịch* bên *nửa chữ đạc* », và chữ thứ năm ở vế dưới là chữ « tất » chứ không phải chữ « nghi ». Còn đến nghĩa thì chữ « tử tuy » ông Lân dịch là « chất vì việc nước », thế thì thiếu nghĩa chữ tuy, vì *Từ-Nguyên* (q. thìn, tr. 206) gọi « lui quân là tuy » (thoái quân vi tuy). Nguyên có chữ « Tướng-quân tử tuy » nghĩa là « quân thua mà lui, thì tướng-quân nên chết ». Chữ « tế mỹ » ông Lân dịch là « để được vẻ vang » cũng không đúng: *Từ nguyên* (q. tỵ, tr. 163) cắt nghĩa tế mỹ » là « con cháu có thể nối được nghiệp của ông cha » (tử tôn khắc thừa tổ phụ chi nghiệp).

Giá ông Lân lấy sách chữ nho ra mà lược-dịch, đừng thêm thắt điều gì, thì quyển sử của ông sẽ hoàn toàn là quyển giáo-khoa, không những đem dạy học-trò mà thôi, lại còn dạy cả cho các hạng người nữa.

Tôi lấy sách chữ nho, dịch truyện Lê Lai như sau này, có đoạn hơi rườm-rà, nhưng đã là nhà chép sử, mà lại chép một chuyện anh-hùng hi sinh cho nước để cứu lấy giống-nòi, thì không nên lược bớt, vì đã là người anh-hùng thì một câu nói, một việc làm đều đáng làm gương cho đời sau.

Trong khi dịch, có đoạn nào khác với ông Lân, tôi sẽ đánh dấu và cùng thêm vài lời bàn.

« Lê-Lai người thôn Dựng tú, sách Đức-giang, huyện Lương-Giang (nay huyện Thụy-nguyên, tỉnh Thanh-hóa). Cha là Kiều, đời đời nối chức phụ-đạo, sinh hồi

con gái và con lớn là Lận, con thứ là Lai (không thấy sử chép Lê-Lai chính tên là Nguyễn-Thận, và cũng « cải ra họ Lê và đổi tên để che mắt người minh » (trang 10) : Nếu thật Lê-Lai họ Nguyễn, thì năm thứ năm hiệu Quang-thuận (1464) Lê Thánh-tông có xuống chiếu rằng « Những công-thần được ban quốc-tính, cho con cháu lại theo họ cũ, để giữ hiếu đạo ». Mà đến năm thứ mười sáu hiệu Hồng-đức (1485) vẫn thấy sử chép « Tĩnh-quốc-công Lê-Niệm là con Lê-Lâm, cháu Lê-Lai » *Khâm-định việt-sử*, q. 24, tờ 1 a); Xem thế, đủ rõ Lai không phải họ Nguyễn). Lê-Lận theo vua Lê Thái-tổ (Lê-Lợi) khởi nghĩa-binh, có nhiều công-lao. Năm Ất-tỵ (1425) trận đánh ở cửa ải Khả-lưu (phía bắc sông Lam-giang, huyện Lương-sơn, tỉnh Nghệ-an) bị chết về việc nước, sau được tặng làm thái-phó Hiệp-trung-hầu, gia tặng Hiệp-quận-công. Lê Lai là người có tính cương-trực, dung-mạo khác thường, chí-khí trác-liệt (trác là cao, liệt là ngay thẳng) theo hầu vua Lê-Lợi thường ở bên cạnh, rất nhiều công lao. Năm bính thân (1416) vua Lê-Lợi cùng mười tám người thân-tướng, liên danh ký-kết ăn thề, lúc sướng lúc khổ cùng nhau. Lê-Lai có dự trong số ấy, được làm chức tổng-quản phủ đô-tổng-quản quan-nội hầu. Năm Mậu-tuất (1418) Vua Lê-Lợi bắt đầu khởi cờ nghĩa, tướng còn yếu, quân còn ít, bị tướng Minh đánh ở Mang-một, vua Lê-Lợi đã bị nguy mà được thoát, đóng quân ở trên cồi Trịnh-cao (xưa là tên châu, nay thuộc phủ Trấn-định, tỉnh Nghệ-an), ngoài đường cấm người đi, trong nhà cấm khói lửa. Tướng Minh chia quân đóng giữ các chỗ hiểm yếu, thế rất nguy bách. Vua Lê-Lợi hỏi các tướng rằng : « Ai chịu đổi áo bào, cầm quân ra đánh nhau với giặc thay ta, xưng danh hiệu của ta, như việc Kỷ-Tín chết thay Hán Cao-tổ ngày xưa, để cho ta được ẩn dấu ở chỗ núi rừng, chiêu tập tướng sĩ, khôi phục về sau ». Các tướng không ai dám thưa. Một mình Lê Lai khảng-khái thưa rằng : « Xin ngày sau có thiên hạ, thương đến công tôi, con cháu muôn đời được đội ơn nước, ấy là sở nguyện của tôi ». Vua Lê-Lợi thương xót không nỡ. Lê Lai lại nói rằng : « Nay khốn bách như thế, nếu ngồi giữ một chỗ nguy, thì vua tôi cùng chết, sợ cũng vô ích. Bằng làm kế này, có lẽ thử được chút ít. Kẻ trung-thần đã vì nước, thì còn tiếc gì ! », vua Lê-Lợi lạy trời khấn rằng : « Lê-Lai có công đổi áo bào, ngày sau trẫm cùng con cháu, và con cháu các tướng-tá công-thần, nếu không nhớ đến công ấy, thì xin điện cỏ hóa thành núi rừng, ấn báu thành đồng, gươm thần hóa đao binh » (trang 9-10 ông Lân chép mấy câu : « Bình-định-vương bèn bội các tướng-sĩ, bàn nên đánh một trận tử-chiến, thoát được thì càng hay, bằng không, chịu chết cũng cam. Trong bọn tướng-tá, có một người đứng lên thưa rằng : Thân Vương là trọng cả nước trông vào có một ngài, vì bằng mệnh-hệ nào, thì sao đuổi được giặc Minh ra ngoài bờ cõi ?... » đều khác cả trong sử ». Lê-Lai bèn đem năm trăm quân, hai con voi, thẳng đến luỹ giặc khiêu chiến : người Tàu đem hết quân ra đánh. Lê-Lai phi ngựa xông vào trận, hô rằng : « Ta là chúa Lam-Sơn đây », đánh giết quân giặc không biết bao nhiêu mà kể. Khi sức đã kiệt, thì bị người Tàu bắt, đem làm cực hình. Giặc bèn lui quân về thành Tây-đô, nhưng phòng bị hơi trễ. Vì thế vua Lê-Lợi được từ-do nghỉ ngơi, nuôi khí hăng hái, đánh đâu được đấy, rồi lấy lại thiên hạ. Truy cảm lòng trung-nghĩa của Lê-Lai, vua Lê Lợi sai người ngầm tìm hài-cốt đem về táng ở Lam-Sơn (trang 11 ông Lân chép rằng : « Trong khi ấy Bình-định-Vương đã cùng mấy người tuỳ-tòng cải dạng làm tiều-phu, men sườn núi mà trút xuống... » hình như lối văn tiểu thuyết). Năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428) phong làm nhất đẳng công thần, tặng Suy-trung đồng-đức hiệp mưu bảo-chính Lũng-nhai công-thần (Lũng-nhai sau đổi là thôn Lũng-Mỹ thuộc xã Lam-Sơn, vua Lê-Lợi khởi binh ở đấy); chức thiếu-úy, thụy là Toàn Nghĩa. Đến tháng mười hai năm thứ hai hiệu Thuận-thiên (1429) vua Lê-Lợi sai Nguyễn-Trãi chép lời ước-thệ trước của vua và hai câu của Lê Lai, cất ở kim-quỹ, gia phong chức thái-úy. Năm thứ nhất hiệu Thái-hòa

(Xem tiếp trang 13)

GIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 110

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TO

Khoa quí-mùi (1523) thì vào năm thứ hai hiệu Thông-nguyên đời Lê Cung-đế, tức Hoàng-đế Xuân (1522-1527), được ba mươi sáu ông đỗ tiến sĩ.

Năm ấy là năm thứ tám đời Lê Chiêu-tông (1516-1986), nhưng Chiêu-tông lúc ấy ở Thanh-hoa, ngoài Bắc thì Mạc-đăng-Dung đã hợp mưu lập Hoàng-đế Xuân làm vua từ năm trước là năm 1522, đặt niên hiệu Thông-nguyên, vì thế khoa này theo niên-hiệu Thông-nguyên.

Đăng-khoa-lục (q. 2 tờ 17 b) chép « năm trước là khoa nhâm-ngọ 1522 chưa kịp thi bương, đến tháng hai năm quí-mùi (1523) bốn trấn họp thi một kỳ ở bãi giữa sông Nhị-hà lấy Vương-Mậu-Uyên đỗ đầu, tức giải-nguyên ».

Ba ông đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ, là:

1. — **Hoàng-văn-Tán**, người xã Xuân-lôi, huyện Vũ-giàng, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Đỗ trạng-nguyên khoa quí-mùi 1523. Làm quan với Mạc đến chức Lễ-bộ tả-thị-lang. *Đăng-khoa-lục* (q. 2, tờ 17 b) và *Đình-nguyên Phật-lục* (sách Bác-cổ, số A 1205, tờ 23 b) đều chép như thế. Duy *Đăng-khoa bị-khảo* (q. Kinh-bắc, tờ 8a) thì chép là Hoàng-văn-Tán làm quan đến lễ bộ tả-thị-lang ở triều Mạc-đăng-Dung tiếm loạn, cũng như Vương-Mãng Đổng-Trác bên Tàu, mà Tán và Nguyễn-văn-Thái (đỗ thám hoa khoa 1502) thảo tờ chiếu truyền ngôi ». Nếu thế thì Hoàng-văn-Tán làm thị-lang trước khi theo Mạc.

2. — **Nguyễn-Huyên**, người xã Đào tại, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ bảng nhãn khoa 1523. Làm quan đến hàn-lâm thị-thư. Thấy Mạc-đăng-Dung thí nghịch, bèn cáo tiết thờ Mạc sang sứ Tàu cầu phong, làm quan đến thừa-chỉ sứ, tước bá, lúc mất truy tặng thượng-thư (*Đăng-khoa-bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 13 a).

3. — **Nguyễn-quán-Đạo**, người xã Bình-đẳng, huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Năm hai mươi tuổi, đỗ nhị-nguyên khoa 1523, đình-thi đỗ thám-hoa. Trước tên là Quán-chi, ngự bút đổi là Quán-Đạo, làm quan đến đông-các (*Đăng-khoa-lục*, q. 2 tờ 17 b). *Đăng-khoa-bị-khảo* (q. Sơn-nam, tờ 62 a) chép: « Lúc bé có điềm thần Đồng, nhân thương đỗ giải-nguyên. Năm hai mươi bảy tuổi đỗ thám-hoa khoa 1523. Lại thi khoa đông-các đỗ thứ nhất. Làm quan đến tham-chính ».

Tám ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân, như sau đây:

1. — **Nguyễn-đình-Chương**, người xã Trung-đình, huyện Lang-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến thị-lang. Không chịu theo Mạc, lúc mất truy tặng thượng-thư. Nay làm phúc-thần làng ấy (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 125 a) *Đăng-khoa-lục* (q. 2, tờ 18 a) chép: « Được vua Lê phong làm phúc thần ».

2. — **Nguyễn-trọng-Tốn** người xã Trường-tân, huyện Gia-lộc (Gia-phúc), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến Hộ-khoa đô-cấp sự-trung (*Đăng-khoa-lục*, q. 2 tờ 18 a). *Đăng-khoa-bị-khảo* (q. Hải-dương, tờ 48 b) chép là Phạm-trọng-Tốn.

3. — **Nguyễn-Sở-Châu** người xã Quỳnh-côi, huyện Gia-lộc, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1523. Làm quan đến đình-úy. (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 18 a).

4. — **Nguyễn-khắc-Trung**, người xã Bình-minh, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1523. Làm quan đến hiến-sát-sứ, không chịu theo Mạc (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 36 b).

5. — **Trần-khả-Tượng**, người xã Thượng-xá, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp khoa 1523. Làm quan đến Hình-khoa đô-cấp sự-trung (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 18 a). *Đăng-khoa bị-khảo* (q. Sơn-tây, tờ 31 b) chép là người xã Thượng-hiệp.

6. — **Nguyễn-Khắc-Cần**, người xã Đặng-xá, huyện Lang-tài, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1523. Làm quan đến thanh-chính

không chịu theo Mạc (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 18 a).

7. — **Nguyễn-trong-Oánh** người xã Vĩnh-kỳ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Nhà ở xã Hương-canh. Đỗ nhị giáp khoa 1523. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn. Sinh ra Nguyễn nhân-An, đỗ tam-giáp khoa 1556: cha con cùng đỗ đồng khoa (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 5 b).

8. — **Lê-tử-Khanh**, người xã Xuân-trí, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1523. Làm quan đến đoán-sự (*Đăng-khoa lục*, q. 20 tờ 18 b)

Hai mươi nhăm ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân là những ông sau này:

1. — **Nguyễn-Súc** người ở phường Báo-thiên, huyện Vĩnh-xương, (sau đổi Thọ-xương, bây giờ thuộc đại-lý Hà-nội), nhà ở xã Liêu-xá, huyện Đường-hào, trấn Hải-dương, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1523 — Làm quan đến tham-chính (*Đăng-khoa lục* q. 2, tờ 18 b).

2. — **Nguyễn-sư-Hựu**, Người xã Cao-thôn, huyện Thanh-liêm, Phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Nguyên-quán ở xã Thượng-lại, huyện Thanh-lâm. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 80).

3. — **Ngô-mậu-Thuần**, Người xã Phù-lỗ, huyện Đường-hào Phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Năm 23 tuổi đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan với nhà Mạc, đến chức công-bộ thượng-thư, trước tước, được trí sĩ. Là con Ngô-trân-Phòng đỗ nhị-giáp khoa 1484, sinh ra Ngô-mậu-Du đỗ tam giáp khoa 1562 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 4 a).

4. — **Vũ-Đoan**, người xã Đồng-la, huyện Giao-thủy, phủ Tiên-trường, trấn Sơn-nam. Đỗ tam-giáp khoa 1523. Theo Mạc, làm quan đến thượng-thư, được phong công-thần (*Đăng khoa lục* q. 2, tờ 18 b).

5. — **Lê-Phu** người xã La-xuyên, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1523. Theo Mạc làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang, trí sĩ (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 18 b).

6. — **Nguyễn-hang-Ngạn**, người xã Bảo-triện (sau đổi làm thực-tượng), huyện Cẩm-giàng, phủ Thường-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 18 b).

7. — **Hoàng-Tảo**, người xã Cao-la, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến hữu-thị-lang, trí sĩ (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 19 a).

8. — **Phạm-sở-Ngọc**, người xã Đồng-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm 45 tuổi đỗ tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan với Mạc đến chức thừa-chính-sứ, trí sĩ. Lúc mất, truy tặng công-bộ tả-thị-lang. Là cha Bộ Phạm Lệnh-Nhân đỗ nhị giáp khoa 1553 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 63 a).

9. — **Phạm-hưng-Nhân**, người xã Nhân-lý, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1523. Làm quan với Mạc đến chức thám-chính. Sau Mạc giết là theo Hoàng-vương, truất làm phủ-sinh. Là cháu-nội Phạm-bá-Kiệt đỗ nhị giáp khoa 1453. Là bác họ Phạm-Đường là bá-Đường đỗ tam giáp khoa 1493 (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 63 a).

10. — **Nguyễn-thì-Hanh**, người xã Hoa-đường, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc, năm 29 tuổi đỗ tam giáp khoa 1523. Làm quan tới chức đề-hình giám-sát ngự-sử (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 19 a).

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Dương

2$00 một vé

Giới thiệu

Ức Trai thi văn tập của Trúc Khê — Lê Cường, xuất bản giá 5$00.

Bạn Trúc Khê đã dịch nhiều thi văn chữ hán ra quốc văn và đã được các bậc thâm nho hoan nghênh cái học thâm thúy của bạn.

Chúng tôi không cần giải lời và tin rằng quốc văn mới này của bạn sẽ có một địa vị danh dự trong kho tàng quốc văn.

T. T.

LỄ TRUY DIỆU DƯƠNG BÁ TRẠC

Trong số trước, Tri-Tân đã có bài của bạn Thất Lang nói về thân thế của nhà ái quốc Dương bá Trạc.

Nay xin lục đăng bài điếu văn do cụ Bùi-Kỷ đọc hôm làm lễ truy điệu cụ cử Dương tại chùa Quán Sứ Hà-nội ngày mùng 5 tháng 2 ta năm Ất-dậu (18-3-1945).

Toà soạn

Bài điếu văn về lễ truy-điệu cụ Cử Dương-Bá-Trạc

Than rằng :

Thay đổi theo về tịnh-thế, người thác đành nhưng người sống chưa đành ;

Thủy chung thề với giang sơn, hẹn đi có, sao hẹn về chẳng có,

Mộng hình hài dầu một giấc thoảng qua,
Gương tâm sự vốn ngàn thu soi tỏ,
Ông Cử Dương !
Trời phú thông minh,
Đất chung linh tú,
Cơ cừu nguyện gìn giữ nếp nhà,
Lều chiếu vẫn theo đòi nghiệp cũ.

Song đèn sách là nơi rèn luyện, ông đã rõ cương-thường luân-lý, há theo đời quỳ gối khom lưng ;

Vả non sông là gốc sống còn, ông đã mang khí-phách can tràng, sao chịu nhục đè đầu cưỡi cổ

Bởi thế :

Hội duy-tân dấn bước vời trào lưu,
Nhóm cách mệnh đau lòng về linh-thổ.
Ra công huấn-luyện nào Nghĩa-Thục Đông-Kinh ;
Hết sức hô hào nào Tùng-báo Đăng-cổ.
Tay tay không khôn chống chọi với cường quyền.
Nhưng khi chính cũng ghê trùng cho nghịch lỗ.
Khi Côn đảo mản trời chiếu đất, chân lao-lung mà cổ vẫn quật cường
Khi Long-Xuyên cơm gỗ nước bầu thân địch mà đầu hằng tự chủ

Kể từ lúc 22 tuổi hiến thân cho nước, chỉ những toan rửa sạch không hổ nước hờn dân.

Đến về sau hơn mười năm đổi sĩ làm tù, may còn sống để trở lại quê cha đất tổ

Thiết tưởng từng ma-chiết nhiều phen,
Tuế-nguyệt luống sa-đà lắm độ.
Đời vẫn lầm-than man mác, những là dong mắt suốt năm canh ;
Người đâu gỗ đá lơ trơ, sao chịu bó tay ngồi một chỗ.
Việc của đời chan chứa còn nhiều sức đang nồi bao giờ cũng có.
Quay sang Phật, hồi chuông cảnh tỉnh-đạo từ bi mong giảng cho tình ;
Trở về Nho, ngọn bút hùng hồn, nền luân lý muốn bàn thật rõ.
Tính việc công, già cũng quên già,
Theo nghĩa lớn, khó không ngại khó.
Đang tình phương ngoài vùng vẫy, rủ nhau đồng-chí đợi thời-cơ ;
Ngờ đâu cõi hóa xa xăm, rút cục âm mưu thua định số.

Sáu mươi tuổi lòng son tóc bạc, người vị-quốc vốn là người bất-tử, cốt làm sao trả nợ giang sơn. Hơn năm đây tay bắt mặt mừng, lúc phân kỳ còn hẹn lúc trùng-phùng mà nay đã chia đường kim-cổ.

Ôi ! ngày tháng không ngừng.
Công trình chưa bỏ.
Đọc bài chính kiến, đường nghe sang sảng lời vàng ;
Xem tập nét tình, ngỡ thấm đầm đầm máu đỏ

(Xem tiếp trang 12)

SỰ-THỰC VỀ VIỆC PHÁ THÀNH HÀ-NỘI năm Nhâm-ngọ (1882)

Đến đây các nhà chép sách đều thuật theo truyền thuyết, nên việc hạ thành Hà-nội năm Nhâm-ngọ (1882) gần như sai sự thực.

Chúng tôi có dịp được hầu chuyện cụ cử Nguyễn đình Trọng, tức cử Tốn năm nay 93 tuổi, làm xuất đội hộ vệ quan tổng đốc Hoàng Diệu, nay cứ theo như nhời cụ, ghi lại sau đây để góp chút sử liệu.

T. D.

Trước đó một tháng, quan tổng đốc Hà ninh là Hoàng Diệu thấm biết sự dòm ngó xứ Bắc kỳ của quân Pháp, đã bắt đắp thành đất chắn ngang từ cửa Đông sang cửa Tây, các cửa thành đều lấp hết, sự đi lại phải dùng thang.

Ngày mồng tám, tháng ba, năm Nhâm ngọ, vào khoảng giờ thìn, một người thông ngôn người Nam kỳ tên là thông Phong (1) mang chiến thư vào thành. Án sát Tôn-thất-Bá xin với quan tổng đốc ra thương lượng với ông năm Henri Rivière để dinh chiến.

Quan tổng đốc sai giòng giây cho Tôn thất Bá xuống góc thành cửa Bắc (phía bót hàng Đậu) nhưng sự thực thì Tôn-thất-Bá lập tâm trốn ra nằm ở đền Ngọc Sơn giữa hồ Hoàn kiếm, khi thành đã vỡ thì theo binh Pháp mà nhận lấy thành.

Cách độ một giờ sau, quân Pháp bắt đầu bắn vào góc thành cửa Bắc, chết một tiên quân đội Hùng-nhuệ; bố thành Tuyên bỏ chạy, quân Pháp bắc thang vào Tuyên chạy thẳng vào kho, kho bốc hoả (2) rồi súng bắn sốc vào chỗ quan tổng đốc đóng ở cửa chính Bắc.

Đề đốc Lê Trinh giữ cửa đông cũng bỏ chạy, chỉ còn có phó lãnh binh là Hồ-văn Phong đứng kèm với quan tổng đốc, cửa Tây, lãnh binh Lê Trực trấy nừng, cũng tháo lui, cửa Nam thì thủy sư lãnh binh, Nguyễn-đình-Khang cố thủ.

Pháp quân bắn vào cửa Bắc dữ quá, quan thượng mới lên voi, chạy vào hành cung, vào sân rồng lạy năm lạy, vừa lạy vừa khóc rồi quay ra.

Lúc ấy quan tổng đốc chít khăn xanh mặc áo the thâm, thắt lưng nhiễu điều, tay cầm kiếm, ngài đến cửa Võ miếu, xuống voi, đi vào, có 10 võ cử sung xuất đội đi theo.

Đến đấy, ngài đuổi cả ra và bảo rằng: « Ai muốn về Huế thì về, còn ai muốn đánh thì theo lên quân thứ Sơn tây ». Nói xong, ngài vào Võ miếu, đóng sập cửa lại, cởi khăn chít buộc lên cây táo mà tự vẫn.

Khi thành đã phá xong, trong hàng phố được tin quan tổng đốc tuẫn tiết, rất lấy làm thương sót, ông Thương Kim, một thân hào, cùng dân phố, hàng bạng, góp tiền mua áo quan đem chôn ở gần miếu Trung liệt, cạnh mộ quan cố khâm sai Nguyễn tri-Phương, rồi sau lại đưa đến quan Đốc học (gần phố Sinh Từ).

Quan tuần phủ Hoàng hữu Xứng ra hàng được ở lại, còn đề-đốc, chánh phó lãnh binh đều trèo thành trốn lên phủ Hoài.

Cách ba ngày sau, Triều đình sai hai quan Khâm sai là Nguyễn trọng Hợp và Trần đình Túc ra nghị hòa, lại có chỉ ra đòi các quan chức Hà-nội thăng Bố chánh Tuyên, án-sát Tôn thất Bá, đề đốc Lê Trinh, chánh lãnh binh Lê Trực, phó lãnh binh Hồ văn Phong, tác vị lãnh binh Nguyễn Long và tỏa (xích tay) lại Kinh, nhưng sự thực thì các ông này mỗi người có một cái xềng bỏ trong chăn mà vẫn đi chơi ngoài phố Võ sau, cả bọn đều được miễn nghị.

(Xem tiếp trang 28)

(1) Tức là đốc phủ Phong

(2) *Cụ Nguyễn-đình Trọng tức cử Tốn cho chúng tôi biết rằng quan tổng đốc đã cho tất cả thuốc súng vào kho hơn lâu, chỗ kho bốc lửa đây là do mấy tên nội phản đốt hoả hồ làm hiệu cho quân Pháp và để loạn lòng quân ta. Sự thực thì kho thuốc súng vẫn nguyên*

Một mối ngờ trong văn-giới

PHẢI CHĂNG TRẠNG TRÌNH ĐÃ TIÊN ĐOÁN NỀN ĐỘC LẬP VIỆT-NAM ?

PHẠM MẠNH PHAN

Từ khi người Pháp có dã tâm sang xâm chiếm và cướp phá đất nước này, biết bao người đã từng bỉ sinh thân thế để chống lại quân cường bạo.

Những bậc đế vương như vua Hàm Nghi (1884 - 1885) vì chống lại kẻ thù mà biện bị an giáng lại Alger; những bậc siêu quần bạt chúng như Phan chu Trinh Phan bội Châu, nhìn rõ cái họa kẻ thù cuỉ mang bóc lột đồng bào Nam Việt, đã từng nếm đủ mùi tận khổ và xuốt đời tận tụy cho nước cho nhà.

Đọc hai câu sấm :

« *Bao giờ sen mọc biển đông*
« *Cha con nhà Nguyễn bế bồng nhau đi.*

Chúng ta liền nhớ tới việc bại của con Thành, Thái (1889-1907) và Duy Tân (1907-1916). Vua cha vì có chí ngầm mưu phục quốc, nên bị truất hồi năm 1907. Và đêm mùng 3 tháng 5 năm 1916 vua con mưu chống lại giặc Pháp, bèn phải phế; thế là cha con « bế bồng nhau » ngầm đảo Réunion làm đích, như lời tiên đoán của Trạng Trình.

Cuộc xa di thảm đạm ấy vừa vào dâu thế kỷ hai mươi, vừa lúc « *sen* » Nhật bản mọc đầy đầy biển Đông nơi mà xưa kia không bao giờ có thứ sen lạ lùng ấy.

Chúng ta không sao quên việc Yên bái và Cao nơi đã xảy ra vụ đồ máu gần đây hồi 1930. Bao đảng viên của Việt nam quốc dân đảng đã bị tập bao đem lên máy chém! Vụ tàn sát cực kỳ vô nhân đạo ấy cũng đã có thấy trong các lời sấm của Trạng Trình :

Ta hãy đọc 8 câu sau đây :

« *Kìa cơn gió thổi lá rung cây*
« *Rung bắc sang nam, đông tới tây :*
« *Tan tác* Kiến *kiêu* An *đất nước.*
« *Sác sơ* Cổ *thụ sạch* Am *mây :*
« *Sơn* Lâm *nổi sóng mù* Thao *cát*
« Hưng *địa tràn dâng* Hóa *nước đầy.*
« *Một gió một* Yên, *ai sùng* Bái ?
« *Cha con người* Vĩnh, Bảo *cho hay.*

(Lê Dư : Bạch vân Am thi văn tập)

Xem các câu trên ta thấy rõ ràng toàn là những tên đất đã sẩy ra việc biến động lôi đến thờ cụ Trạng bị phá nát ở Cổ Am.

Nào Kiến An Lâm Tao, Hưng Hóa Yên Bay Vĩnh Bảo : những tên ấy đã nhắc nhở cho ta những kỷ niệm đau đớn của các chiến sĩ đã hy sinh thân thế cho nền độc lập Việt Nam.

Nếu những lời sấm kia có thật phải chăng cụ Trạng Trình với sức học sâu thâm đã đoán trước những việc thất bại của các đảng viên Việt Nam quốc dân đảng hồi quá mười năm về trước mà nhà phóng sự pháp Louis Roubaud đã viết nên cuốn « *Việt-nam, la tragédie indo-chinoise* ».

Trong dân gian, chúng ta vẫn được các bậc lão thành đọc lại cho nghe những câu sau này phác họa cái cảnh chiến tranh thảm khốc của những năm gần đây. Những câu ấy tương chuyền của cụ Trạng Trình. Thực hư thế nào, chúng tôi cũng xin thuật lại để mua vui cùng các bạn :

Rồng *nằm bể can dễ ai hay* (năm thìn 1940)

Rắn *mới hai đầu khó chịu thay* (năm tỵ 1941)

Ngựa *để gác yên không ai cưỡi* (năm ngọ 1942)

Dê *khan ăn lộc ngoảnh về tây* (năm mùi 1943)

Khỉ *nọ bồng con ngồi khóc mếu* (năm thân 1944)

Gà *kia xào xạc cất cánh bay* (năm dậu 1945)

Chó *ve vẩy đuôi mừng thánh chúa* (năm tuất 1946)

Lợn *ủn ỉn ăn no ngủ ngày* (năm hợi 1947)

Nếu ta để ý tới câu thứ 6 thì « gà kia xào xạc cất cánh bay » phải chăng là ám chỉ việc quân Pháp bị tước khí giới vừa rồi và xào xạc bay về. . . Pháp quốc mà trả lại nền độc lập cho chúng ta, vì chữ *gaulois* (người Pháp) do chữ latin *gallus* là con gà.

Một câu vè nữa vẫn thường được mọi người bảo là của Trạng Trình cũng có liên can tới cuộc đảo chính vừa rồi ;

« *Bao giờ lúa mọc trên chỉ,*
« *Voi đi trên giấy, Tây thì về Tây* ».

Nếu ta lấy *đồng hào chì* mà ta thường gọi là *hào gỗ* ta sẽ thấy một mặt có vẽ *cây lúa*, rõ ràng : *lúa mọc trên chỉ*.

Và nếu ta lật *đồng hào giấy* ta vẫn có ta sẽ thấy có vẽ một dân *voi* thật đúng *voi đi trên giấy*. Thế thì sau đêm mùng 9 tháng 3 dương lịch vừa rồi quả thật : *Tây thì về Tây*, vì mặt kẻ lọ cũng không bao giờ trở lại đất nước này mà thẳng tay đàn áp những người vì nước đòi phản kháng họ.

Những câu sấm trên thực hư thế nào, chúng tôi không dám quả quyết, nhưng dầu sao những câu ấy ít uyển tụng trong dân chúng cũng đủ hiểu biểu cái sức phản động ngấm ngầm của người Việt-Nam ta đối với cái chính sách bóc lột và tàn bạo của người Pháp trong hơn 60 năm đi cướp nước người mà còn thẳng tay chém giết một cách dã man và vô nhân đạo

PHẠM-MẠNH-PHAN

Tri-Tân sẽ ra số Đặc-San về :

Việt-nam giải phóng

Trong đó đại khái những mục như :

1) Tường thuật những cuộc giải-phóng ở các địa-phương từ mồng 9 tháng ba 1945.
2) Công cuộc gây nền độc lập qua các triều đại.
3) Những cuộc quật khởi khi Pháp thuộc.
4) Giọt máu hi-sinh.
5) Tai nghe mắt thấy thời Pháp đô-hộ.
6) Những áng thơ máu huyết.
7) Nét mực lịch-sử : Thơ của Lưu-Vĩnh-Phúc — Thơ và câu đối không Dậu — Quinh khí ca...
8) Việt-nam quốc dân đảng (phóng sự).
9) Thanh niên với nền độc lập Việt-nam v. v...

Rất mong các bạn ủng hộ hoặc giúp ý-kiến, hoặc góp thơ với Tri-Tân để số Đặc-San này được có kết quả mãn.

TRI-TÂN

Nhân ngày giỗ cụ Phan Tây-hồ

Mấy vần khảng-khái

Ngày 5 tháng tư dương-lịch là ngày giỗ cụ Phan Tây hồ, một nhà đại chí sĩ đã từng tận tụy đến phút cuối để theo đuổi một công cuộc : mở trí dân, nâng quyền dân.

Việc làm cụ Phan tuy quang minh và ôn hòa, nhưng ở dưới chế độ cường quyền của người Pháp, nó vẫn là « tội ác !

Nhân dịp bây giờ Quảng nam có vụ xin xưu (1908), các nhà đương cục Pháp liền đổ tội cho tiên sinh đứng sau cổ động dân chúng, rồi vin vào cớ đó, làm án đày tiên sinh đi Côn lôn.

Từ thành Huế, đeo xiềng sắt đi nơi đày ải, tiên sinh tỏ ra mình đày vẫn nuôi được cái khí hạo nhiên, không chịu khuất phục vì oai võ. Tiên sinh có làm một bài thơ :

纍纍鉄鎖出都門
慷慨悲歌舌尚存
故國淪亡民族瘁
男兒何事怕崑崙

Dịch âm

Lụy lụy thiết toả xuất đô môn,
Khảng khái bi ca thiệt thượng tồn,
Cố quốc luân vong, dân tộc tụy !
Nam nhi hà sự phạ Côn lôn ?

Dịch nghĩa

Đeo xiềng lẻng sẻng trải đô môn,
Khảng khái buồn ca, lưỡi vẫn còn.
Nước cũ tan tành, dân hèo rạc,
Tài trai đâu có sợ Côn lôn.

Ý tác giả cho rằng mình đây chân tay tuy bị xiềng xích, nhưng ba tấc lưỡi hãy còn thì rồi ra vẫn còn có thể cứ hô hào cổ suý hăng hái được. Tại sao « con thiên tiên » cứ phải dấn mình vào lửa như thế, là vì ngũ rằng nước thì mất, dân thì lầm than, bổn phận buộc phải hành động. Vậy kẻ đại trượng phu làm việc chỉ nhắm theo đại nghĩa thôi, chứ há sợ gì cái thứ Côn lôn là chỗ mình sẽ phải đày ải, tù tội ?

***

Khi ở Côn lôn, tiên sinh thường được ở ngoài, sống hơi ung dung hơn các bạn phải ở trong khám. Những hôm đi câu cá, hễ kiếm được bao nhiêu thì tiên sinh lại đem chia cho các bạn đồng tù.

Hằng ngày, tiên sinh, cũng như các bạn khác, phải đi khuân đá, đập đá. Xác thịt tuy phải làm việc khổ dịch, nhưng tinh thần vẫn phóng khoáng thản nhiên, tiên sinh có làm bài thơ « Đập đá » như vầy :

Làm trai đứng giữa đảo Côn lôn.
Khảng khái làm cho lở núi non,
Vác búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đẹp bằng mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son,
Những kẻ vá trời khi nhỡ bước,
Gian nan chi kể sự con con.

***

Khi ở hải ngoại, chừng vào khoảng 1924-1925, người ta có hỏi ý kiến tiên sinh đối với luận đề của một vài nhà « được gọi là tai mắt » ở đương thời. Thì hai câu nầy của tiên sinh đã đáp lại một cách thẳng thắn và chua chát :

« *Hại thay những lũ ruồi mòng,*
« *Thừa cơ múa rối giễu lòng người ta !* »

SONG CỐI

... cụ Cử Dương

(Tiếp theo trang 8)

Ngán nỗi khuôn thiêng quá hạn, luống để ai lỡ vận sai thời ;
– Thương thay khối giận chưa tan ; chờ đến lúc tuôn mây đậy gió.

Chúng tôi đây !
Khắp mặt gần xa.
Đủ hàng thân cố
Dâng nén hương viếng trước anh hồn
Nhờ sức Phật đưa về tĩnh độ
Giá phỏng bây giờ còn sống, phút chốc bàn cờ thay vẻ khác, nhìn lại nhìn, dạ cũng người người :
Tiếc thay vội vã làm chi, lờ mờ ngọn biển cách mây xa, nhớ lại nhớ sầu càng vò võ,
Ngẫm cho phải thác thì đành hẳn, thác để tên, để lại một đời tiết-nghĩa, thác cũng là vinh.
Suy đến nơi, sống phải thế nào, sống còn nhà còn nước, còn muôn nỗi ưu nan, sống sao khỏi hổ.

BÙI-KY

Những truyện vẻ-vang

(Tiếp theo trang 5)

(1443) truy tặng chức Bình chương quân-quốc trọng sự, cho dùng Kim-ngư-đại Kim-phù (tức là cái túi thêu con cá vàng và ấn vàng hoặc thẻ vàng) tước huyện thượng hầu. Năm thứ nhất hiệu Hồng-đức (1470) truy tặng Diên-phúc hầu, đến năm thứ mười lăm (1484) truy tặng thái-úy Phúc-quốc-công, sau gia phong làm Trung túc vương (trang 11, ông Lân chép là « tấn phong-đại-vương » thì nhầm).

« Lê-Lai sinh ba con trai : trưởng là Lư, thứ là Lộ, út là Lâm, đều có tài-nghề, vua Lê-Lợi nuôi dạy rất là tử-tế, y như con đẻ (trang 12, ông Lân chỉ chép « con ông Lê-Lai là Lê Lâm »).

Năm ất-tỵ (1425) vua Lê-Lợi vây thành Nghệ-an Lê-Lư cùng các tướng chia đánh các xứ, mất tại trận ; năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428), được truy tặng thiếu-úy ; năm thứ mười lăm hiệu Hồng-đức (1484) truy tặng tước Kiến-tiết hầu, sau gia tặng Kiến quận công.

Năm tân-sửu (1421), trận đánh ở sách Bà-lãm và cửa ải Kinh-lộng Lê-Lộ đem phục-binh đánh được Trần-Trí thăng tả-trung-quân tổng-đốc chư quân sự. Năm giáp-thìn (1424) theo vua Lê Lợi đi đánh châu Trà-lân (*Khâm-định Việt-sử*, q. 13, tờ 18 a chép là Trà-long) khi đánh ở Bồ-lạp, đuổi được quân Phương Chính và Sư-Hựu được thắng trận lớn; tháng mười năm ấy, đánh nhau với giặc, bị mũi tên lạc rồi mất. Năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428) truy tặng thái-úy; Năm thứ mười lăm hiệu Hồng đức (1484) truy tặng Chiêu-công hầu sau gia tặng Chiêu quận-công

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sự thực về việc phá thành Hà-nội...

(Tiếp theo trang 9

Về cái chết oanh-liệt của quan Tổng-đốc Hoàng Diệu người ta có bài *Hà thành chính khí ca* là có ít văn thơ sau đây :

Thơ :

Trái phá tây trăm chực bắn vào,
Chỉ (3) không cho đánh biết làm sao ?
Ngọn cờ tướng lệnh uy linh gượng,
Chén rượu đồng môn khẩ g khải phào.
Uất khí Nùng-sơn cây muốn cựa,
Thương-tâm Nhị thuỷ sóng tranh rào ;
Chồi hoa Võ miếu thơm lây mãi,
Sống trọm đời trông thẹn biết bao !

Bài hát :

Ngô nhân khoa hoan phùng thời dị (?)
Thần tử thong dong tựu nghĩa nan ;
Quan Hà-ninh tổng đốc họ Hoàng,
Con thằng thốt vững vàng gan sắt đá
Giận bạch quỉ bất tuân vương hóa.
Đem bức thư ra dạ bội hòa ;
Giữ cô thành một trận sóng pha
Có Nùng Tính, Nhị hà soi chính khí
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
Tử ư quốc sự tử cương thường;
Lòng xem khinh tên đạn một trường,
Tử danh tiết lấy lưu phương làm trọng
Khi biện tử tới hành-cung bái vọng,
Lạy vua rồi ra Võ miếu xếp kinh luân ;
Làm gương cho khách biên thần.

TIÊN ĐAM

(thuật theo nhời cụ Nguyễn Quang Trọng tức Cử Tô)

(3) Vua Tự Đức vẫn có ý hòa nên truyền đừng đánh vội

(4) Trước lúc đó quan Tổng đốc họp các quan uống rượu ăn thề ở Đông môn thì ai ai cũng ra dáng hăng hái.

Đón coi số tới :

— Nhớ lại một buổi hội đàm với cụ Dương Bá-Trạc

của HOA BẰNG

— Thanh niên với việc bài trừ các vết tích nô lệ

của PHẠM MẠNH PHAN

ĐẠI NAM DẬT SỬ

Số 59

Ưng-hộ NGUYỄN VĂN-TỐ

Nùng-trí Cao trốn ở Sơn-đông. Đến năm tân-tỵ (1041) Trí-Cao cùng mẹ là A-Nông-lấy động Lôi-hoả (ở phía tây-bắc Lạng-sơn) lại giữ châu Đảng-đo, đổi tên châu là nước Đại-lịch. Vua Lý-Thái-tông sai tướng đi đánh, bắt sống được Trí Cao đem về kinh sư. Vua thương cha Trí Cao là Tồn-Phúc và anh Trí Cao là Trí-Thông đã bị giết, nên tha tội, cho làm chức mục ở châu Quảng-nguyên, thêm cho đất các động Lôi-hỏa và châu Tư-lang, nay là huyện Thượng-lang và Hạ-lang tỉnh Cao-bằng (*Khâm-định Việt-sử* q. 3, tờ 2 b).

Đến « năm quý-mùi (1043) mùa thu tháng chín, sai Ngụy-Trưng đến châu Quảng-nguyên ban ấn cho Nùng-trí-cao và phong làm thái-bảo » (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư* q. 2, tờ 32 b).

Sử-thần Lê-văn-Hưu bàn rằng « Năm trước Nùng tồn Phúc làm phản, tiếm xưng hiệu vua, dựng nước đặt ra quan-thuộc, Thái-tông đã bắt tội Tồn-Phúc mà còn sót Trí-Cao. Nay Trí-Cao lại noi theo con đường của cha làm điều trái phép, thì tội lớn lắm, giết đi mới đáng, lột cả quan-tước đất đai giáng làm thứ nhân cũng còn được. Thái-tông đã tha tội, lại thêm đất cho, rồi lại cho ấn, phong làm thái-bảo, thật là thưởng phạt không có phép tắc. Đến khi nó quấy rối ở Quảng nguyên, lại đem quân đến cửa láng giềng, có khác gì thả con hổ để cắn người, rồi thong thả đến cứu ?... Thái-tông đam vào lòng nhân-ái của đạo Phật, quên cái nghĩa-vụ là mình có nước : nhưng đến nhân kia là việc nhỏ mà nghĩa vụ là việc nhớn » (*Đại-việt sử ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 33 a).

Cho nên Nùng-Trí-Cao đã được phong thái bảo mà thời hiệu vẫn không chữa, « Giữ động Vạt-ác để làm phản, tiếm xưng Đại nam quốc (cứ như thế thì chữ *Đại-Nam* đã có từ năm 1043 hoặc 1052, nhưng đó là tiếm-hiệu của họ Nùng mà cõi đất cũng chỉ có một ít vào nước ta và một vài châu của nước Tàu, cho nên không thể chép vào quốc hiệu được. Chữ Đại-Nam là quốc-hiệu của ta, mãi đến năm 1834 mới có.

Trí-Cao đổi niên hiệu là Cảnh-thụy. Năm Mậu-ý (1048) Vua Lý Thái-tông sai thái-úy là Quách-thịnh-Dật đi đánh không được, trở về Trí-Cao nhận xin nội-phụ với Tống, vua Tống không cho, Trí-Cao tức giận, bèn cùng đồ-đảng, mưu cướp vào cõi đất nhà Tống. Có một hôm Trí-Cao ngầm đốt chỗ ở, rồi nói dối quân-chúng rằng : « Những của tích tụ ngày thường đều bị thiên hỏa đốt, thì sinh-kế cũng quẫn mất. Chi bằng cùng cướp châu Ung châu Quảng của nhà Tống, để tự làm vua ». Chúng đều nghe mệnh-lệnh, đem năm nghìn quân theo đọc sông xuống phía đông đánh châu Ung nhà Tống, hạ được thành » (*Khâm-định việt-sử* 3, tờ 13 a-b).

Đoạn này *Đại việt sử ký, toàn thư* (q. 2, tờ 37 a) chép « Quách-Dật đi đánh, ... Trí-Cao đầu hàng » có lẽ không đúng, vì lúc ấy Trí-Cao đã lập thành nước, đổi niên hiệu, thế rất thông nhào, không có lẽ một toán quân đã bại nổi ; nếu quả thiên đã xin hàng, làm sao lại có việc xin nội phụ với Tống để chống nhau với triều đình nhà Lý ? Sử của Ngô-thì-Sĩ chép « Quách-thịnh-Dật đi đánh không được, cứ lẽ phải hơn (*K. đ. v. s.* q. 3. tờ 13 b).

Còn sử tàu chép thế hệ họ Nùng như sau này :

« Họ Nùng từ đầu đời Đường (vào khoảng 618 sau T. C.) xưng hùng ở Tây nguyên, đời đời làm thủ lĩnh châu Quảng nguyên. Đến cuối đời Đường (vào khoảng 906 sau T. C.) Giao chỉ cường thịnh, châu Quảng nguyên thuộc về Giao chỉ, trí châu Đảng-đo là Nùng-toàn Phúc (sử ta chép là Tồn-Phúc) bị người Giao chỉ giết, vợ Nùng toàn Phúc lại là người đồ buôn, sinh ra Trí-Cao nương vào đội họ Nùng. Khi Trí-Cao đã lớn, cùng với mẹ giữ châu Đảng-đo, dựng nước là Đại-lịch. Người Giao chỉ đánh, bắt được, tha tội lại cho làm trí châu Quảng nguyên, Trí-Cao oán Giao chỉ lừa khe đánh úp châu An-đức (sử ta chép là động vật ác (tiếm xưng là Nam) thiên quốc (sử ta chép là Đại-

Nam), đổi niên hiệu là Cảnh thụy, rồi chiêu nộp những kẻ trốn tránh, cống hiến Trung quốc, xin nơi phụ (nhà Tống) triều-đình (Tàu) không cho. Trí-Cao lại dâng vàng và thư để xin, triều đình cũng không trả lời. Trí-Cao tức giận cùng với tiến sĩ châu Quảng là Hoàng sư Bật (sử ta chép là Hoàng) sư-Mật) mưu giữ Quảng-nam (nay phủ Quảng-nam thuộc Vân-nam) đem những áo rách ra dối lấy thóc lúa nói dối rằng trong động đời kém, bộ lạc lìa tan. Chức trí châu ở châu Ung là Trần-Hồng tin là thật, không đặt phòng bị, có một tối Trí-Cao tự nhiên thả lửa đốt phá ở rồi nói dối quân-chúng rằng « những đồ tích-tự ngày thường, nay bị thiêu hoa đốt, sinh kế tùng quẫn nên lấy châu Ung châu Quảng để tự làm vua, nếu không thì chết cả ». Chúng nghe theo. Trí-Cao bèn đem năm nghìn quân đi dọc sông xuống phía đông, đánh châu Ung thứ-sử Hoành-giang là Trượng nhật-tân, đánh nhau bị chết. Vua Tống hạ chiếu cho lộ Giang nam Chúc kế đem quân phòng bị (*Thông giám cương mục, tục biên* q. 5, tờ 5 b)

Việc Trí-Cao đánh châu Ung sử tàu chép vào tháng chín năm kỷ-sửu (1049) sử ta chép vào khoảng tháng chín năm mậu-tý (1048) Sử ta lại dẫn sử tàu như sau này

« Trí-Cao hãm được châu Ung, nhà Tống giữ châu-thứ xưng tôn-huệ hoàng-đế, đổi niên-hiệu Khải-lịch. Thấy quân cướp sắc đi đến châu huyện nào thì tức tương giữ thành đều bỏ chạy Trí Cao hãm luôn được tám châu là : 1, Hoành (nay thuộc phủ Nam ninh, tỉnh Quảng tây), 2, Quý (nay huyện Quý, Quảng tây) 3, Đằng (*Khâm định tiễn biên*, q. 5, tờ 30b), chua Đằng-châu là xứ Đằng châu thuộc Hưng yên, thì nhầm, vì lúc ấy Trí Cao hãm luôn tám châu, không có lẽ bảy châu thuộc về đất tàu mà có một châu lại thuộc về trung châu đất ta. 4, Ngô (tức Thương ngô, nay là Ngô châu) 5 Khang (nay là Bức khánh, Quảng đông), 6, Đoàn (nay phủ Triệu khánh Quảng đông), 7, Cung (nay huyện Bình nam Quảng tây), 8, Tầm (*Khâm định* chua là phủ Tầm hâu tỉnh Quảng tây bây giờ). Nhưng có lẽ nhầm vì sử tàu chép là châu Phong xem chữ châu Phong ở dưới này nói rõ).

Rồi Trí-Cao tiến vây châu Quảng, đắp đất ở ngoài thành để đánh vào mà không hạ được, lại trở vào châu Ung. Việc ấy đến tai vua Tống : vua Tống cho Dư Tĩnh, Dương-Điền và Tôn-Miện đi kinh lý. Lúc bấy giờ Trí-Cao cướp bóc quấy nhiễu càng ngày càng tệ, mà bọn Dương-Điền đi kinh lý đã lâu không được việc gì : Vua Tống lấy làm lo. Trí Cao dưa thư xin làm tiết độ sứ Ung Quế vua Tống sắp nhận lời đều bàng thì có Xu-Mật phó sứ là Địch-Thanh dâng biểu xin đi đánh : vua Tống cho Địch Thanh làm tuyên phủ sứ đem quân đánh Trí Cao Địch Thanh đến Quảng nam hợp với quân của Tôn Miện và Dư Tĩnh, tiến đóng châu Tả (thuộc phủ Lễ châu, Quảng tây) đặt mục tương giữ đông ai được đánh nhau với giặc vội. Những chức Quảng tây kiểm bắt là Trần Thự thiện tiện đem tám nghìn bộ binh đánh giặc, bị thua ở cửa ải Côn luân (ở phía đông bắc huyện Tuyên hóa, phủ Nam ninh, tỉnh Quảng tây). Địch Thanh họp các tướng xét tội Trần Thự đem chém, rồi sóng quân ở trại nghỉ mười ngày : quân chúng không ai biết sao. Giặc dòm dỏ trở về nói rằng : quân Tống chưa tiến. Đến sáng hôm sau Địch Thanh đem quân qua cửa ải Côn-luân. Trí Cao cho hết quân ra chống cự. Địch Thanh đem kỵ binh vây bọc tất cả tả hữu đề đánh ; Trí-Cao thua chạy quân Tống đuổi theo chém mười dặm, chém và nghìn đầu quân địch. Đảng của Trí Cao là bọn Hoàng sư Mật một trăm năm mươi người đều chết giữa trận. Trí Cao đốt thành đêm rút chạy vào nước Đại lý (tức là Nam chiếu, bây giờ thuộc tỉnh Vân nam). Sau hai năm Dư-Tĩnh sai đô giám là Tiêu Chú đi dường Đặc-mã (nay phủ Quảng nam thuộc Vân-nam) bắt sống được mẹ Trí Cao, em Trí Cao là Trí-Quang và con là bọn Quế-Phong Lại mộ tử sĩ vào Đại lý tìm Trí Cao, lúc ấy Trí Cao đã chết, tử sĩ chặt đầu Trí Cao đóng hòm đưa về Kinh sư. Nhà Tống bèn giết mẹ và em cùng lũ con. Họ Nùng từ bấy giờ mới tuyệt » (*Khâm định việt sử*, q. 3, tờ 16b đến 17b, dẫn *Thông giám cương mục tục biên* của tàu, q 5 tờ 5b đến 8a)

Xem *tục biên* của Tàu, thấy khác một và chỗ, dịch cả ở dưới này :

Kể tháng sáu « Năm nhâm-thìn (1052) Nùng-trí-cao hãm châu Ung, bắt trí châu là bọn Trần-Hồng. Trí Cao mười dặm

chức tỷ-hộ là Khổng-tông-Đán, chung Tông-Đán không chịu khuất, mắng to, rồi chết, Trí-cao lấy châu ấy gọi là Đại-Nam-quốc tự xưng Nhân-huệ hoàng-đế đổi niên hiệu là Tam-lịch (sử *Khâm-định* dẫn là Khải-lịch), đặt quan chức liệu thuộc. Lúc ấy Thiên-hạ được yên đã lâu, các châu quận ở Quảng-nam không phòng-bị, quân Trí-cao đi đến đâu các thú-thần cũng bỏ thành chạy. Trí-Cao hãm luôn tám châu là: Hoành, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Công, Phong, (Sử *Khâm-định* dẫn châu Phong làm châu Tâm là lầm, vì dưới có chuyện Tào-Cận là tri-châu châu Phong bị chết). Tri châu Phong là Tào Cận, tri châu Khang là Triệu sư Đán đều đánh nhau chết. Trí Cao tiến vây châu Quảng, tri châu là Ngụy Quán cố sức chống cự. Tri châu Anh là Tô Giám mộ những quân khỏe mạnh, hợp vài nghìn người tới cứu, chọn đường không cho giặc về, bắt được bố Hoàng sư Bật đem chém để làm hiệu lệnh. Chức chuyển vận sứ ở ngoài đến, cũng mộ dân binh, để thêm phòng bị, vì thế thành Quảng châu không bị hãm. Việc đến tai vua tống, ban chiếu cho Trần Thự đi đánh, cho Dư-Tĩnh làm Quảng tây an-phủ-sứ, cùng với chức đề-binh là Lý-Xu và Trần-Thự kinh-lý việc trộm giặc, lại cho Dương Đồn liệu lượng vỗ về Quảng nam, đem quân kiêm Lạt Quảng-đông đến cứu » *Cương mục*, (*tục-biên*, q. 5, tờ 7 a).

« Đến tháng bảy năm ấy (1052) Nùng Trí Cao hãm châu Quiêu. Tháng chín, vua Tống cho Tôn Miện làm Quảng nam an phủ sứ » (*Cương mục, tục biên*, q. 5, tờ 7 a).

« Nùng trí-Cao cho quân cướp bóc quấy nhiễu càng ngày càng lắm, vùng Lĩnh ngoại náo động, mà bọn Dương Đồn thì lâu ngày không có công trạng gì, vua Tống lấy làm lạ. Trí-Cao đưa thư đến hành doanh, xin làm tiết độ sứ Ung-Quế; vua Tống toan nhận lời đầu hàng của Trí-Cao, thì Lương-Tích can rằng: « Nếu vậy, thì vùng Lĩnh biểu không phải của triều đình ». Lúc ấy Địch-Thanh dâng biểu xin đi, vua Tống bèn cho Địch-Thanh làm tuyên phủ sứ, để cử Quảng-Nam kinh lý việc trộm giặc. Địch-Thanh vào tâu rằng: « Tôi xuất thân từ chốn hàng ngũ, không đi đánh dẹp, không lấy gì báo đền việc nước, tôi xin vài trăm quân kỵ và một ít cấm binh, sẽ trói đầu giặc đem về dưới cửa quyết », Vua Tống khen lời nói của Địch-Thanh là mạnh, cho chức nhập nội đô tri nhậm là Thủ-Trung làm phó tướng của Địch-Thanh. Chức tri giám viện là Lý-Đoái nói rằng « Nhà Đường sở dĩ mất chính quyền, tại dùng hoạn gia coi quân đến nỗi chủ tướng phải rụt tay ». Vua Tống bèn bãi việc dùng Thủ-Trung. Chức giám quan là Hàn Giáng lại nói rằng: « Địch-Thanh là quan võ, không nên cho chuyên quyền ». Vua Tống cho lời Bàng-Tịch. Tịch cố sức tán thành Địch-Thanh nên dùng, và nói rằng: « Nếu không cho chuyên quyền hiệu lệnh thì chỉ bằng không dùng ». Vì thế vua Tống ban chiếu cho các quân Lĩnh-Nam đều phải theo tiết chế của Địch-Thanh » (*thông giám cương mục*, tục *biên*, q 5, tờ 7 b).

Vào khoảng tháng mười năm ấy (1052), « Nùng-trí-Cao hãm Tân-Châu, lại vào châu Ung. Lúc bấy giờ Giao chỉ xin ra quân đánh Trí-Cao để giúp nhà Tống. Dư-Tĩnh cho là tiện nghi, nên bằng lòng, rồi tâu về triều đình Trung-quốc, Địch-Thanh tâu rằng: « Mượn quân ở ngoài để trừ giặc trong, thì không phải lợi cho ta. Có một mình Trí-Cao quấy rối hai châu Quảng, mà đã không trị nổi, phải mượn quân man-di (!) Người man-di tham lợi quên nghĩa (!) Nhân đó mà gây loạn, thì lấy gì mà chống cự, xin bãi việc Giao chỉ giúp quân ». Vua Tống nghe theo. (*Cương mục tục biên*, q 5, tờ 7 b)

« Địch-Thanh mang quân đi, hàng ngũ ngay ngắn, ước thúc nghiêm minh, đêm ngủ ngoài đồng cũng thành định trại. Đến tháng mười hai năm ấy (1052) quân của Địch-Thanh đến Quảng Nam, hợp với quân của Tôn-Miện và Dư-Tĩnh, tiến đóng ở châu Tân, truyền cho các tướng « không ai được đánh nhau với giặc vội, đợi ta đến sẽ làm » Thế mà chức kiêm hạt ở Quảng Tây là Trần-Thự nhân khi Địch-Thanh chưa đến, đem tám nghìn bộ binh mà đánh giặc, bị vỡ ở cửa ải Côn luân, bọn Viên-Dụng đều trốn, Địch-Thanh nói: « Vì lệnh không nghiêm nên bị thua »,

Sớm hôm sau đem Trần-Thự ra cửa quân để chém. Tôn-Miện và Dư-Tình nhìn nhau không dám nói gì, các tướng đều sợ run, không ai dám trông lên. Chém Trần-Thự xong, đem bọn Viên-Dụng bà mươi hai người chiếu tội - trạng bại - vong thi - hành » (*cương-mục, tục-biên*, q. 5 tờ 7 b).

« Địch-Thanh giết xong Trần-Thự, cho các quân đóng ở trong trại, nghỉ mười ngày, quân-chúng không hiểu ra sao. Những quân đi dòm-ngó của giặc về nói rằng : Quân Tống chưa tiến ngay. Đến sáng hôm sau (lúc ấy đã sang tháng giêng năm quý - tỵ, tức năm 1053), Địch-Thanh liền sửa sang quân lính, tự mình làm tướng - tiền - quân, Tôn-Miện làm tướng đạo quân thứ hai, Dư-Tình đi sau cùng. Đêm hôm ấy đóng ở cửa ải Côn-luân. Đến tờ mờ hôm sau, sửa sang cờ trống đại-tướng ; các tướng thuộc-hạ đứng quây xung quanh đợi lệnh của Địch Thanh thế mà Địch-Thanh đã mặc áo thường cùng với quân tiên-phong vượt qua cửa ải, giục các tướng cùng nhau ăn cơm ở ngoài cửa ải : giặc mới biết, đem hết quân ra đón đánh. Hữu-tướng là Tôn-Tiết, đánh giặc chết ở dưới núi. Thế giặc đang hăng, bọn Tôn-Miện sợ thất sắc, Địch-Thanh cầm cờ trắng, vẫy quân kỵ-binh, từ hai cánh tả hữu xông vào đánh, lung hoành khai-hợp, đội ngũ không rối loạn giặc không làm gì nổi, bị thua to, rồi chạy ; quân Địch-Thanh đuổi theo năm mươi dặm, chém đến vài nghìn đầu. Đảng của giặc là bọn Hoàng - sư - Bật, Nùng - kiến-Trung, và thuộc hạ bị chết đến một trăm năm mươi bảy người ; còn quân thì bị bắt sống hơn năm trăm, chết kể hàng vạn. Trí - Cao đêm thả lửa đốt thành, trốn đi, qua cửa sông Hợp-giang sang nước Đại-lý. Hôm sau, Địch-Thanh đem quân vào thành, bắt được vàng lụa kể hàng vạn, vỗ về những người già mạnh được 7200 người, toàn là những người bị giặc bắt hiếp phải theo. Địch - Thanh an ủi cho về làm ăn, bêu đầu bọn Hoàng-sư Bật ở đuôi cửa thành, nhặt những xác chết chôn cả ở góc Bắc thành và làm kinh quán ở trên. Lúc bấy giờ có xác tên giặc mặc áo dát vàng thêu rồng, chúng cáo là Trí-Cao đã chết, định tâu về triều-đình, Thanh nói rằng : « Biết đâu chẳng phải là trá, thà mất Trí-Cao, còn hơn là nói dối triều-đình để tham công danh ». Thế là vùng Quảng-Nam được yên hết. Tin thắng trận về đến triều đình, vua Tống mừng nói rằng : « Địch-Thanh mà đánh được giặc ; là công của Bàng Tịch, và nếu không có lời Lương-Thích thì cõi Nam yên hay nguy, chưa thể biết được », rồi xuống chiếu cho Dư Tình kinh chế Quảng tây, để theo bắt Trí-Cao, với Địch-Thanh, Tôn Miện về triều. Sau hai năm, Dư-Tình sai độ giám là Tiêu-Chủ vào đường Đặc-Mà ; bắt sống được mẹ Trí-Cao, và em là Trí-Quang, con là Kế-Tông Kế Phong, lại mộ tử sĩ, sang Đại Lý, tìm Trí-Cao, qua nhiều dân nơi tiếng khác nhau mới tới nơi, thì Trí-Cao đã chết ở Đại lý Tử sĩ chặt đầu Trí-Cao đóng hòm đưa về Kinh sư. Vua Tống bèn làm tội giết mẹ và em cùng con Trí-Cao » (*Cương mục tục biên*, q 5, tờ 8 a).

Nhân mục này là *dật sự*, tôi chép một câu chuyện mua vui như sau này : Người Tàu có lối đánh bạc bằng chữ, đặt ra ba mươi sáu chữ kép, như chữ thứ 1 là « chiếm khôi : chiếm đầu », thứ 2 là « Bản quế : bể quế », thứ 3 là « vinh sinh : tươi tốt », thứ 4 là « Phùng-xuân : gặp-xuân », thứ 5 là « Trí-Cao : trí khôn được cao ». Khi đánh thì họ để một chữ vào trong hộp treo trên cao, ở ngoài hộp họ đặt ra một câu thơ, có khi hai câu : những thơ ấy đã có nhà nghề làm ra, có thể giảng nghĩa vào chữ nào cũng hợp nên gọi là đố chữ. Họ lại đặt ra 36 tiểu-sử gán vào 36 chữ ấy. Tiểu sử Trí Cao họ cho là ông tổ nghề đố chữ, tức Nùng-Trí-Cao, cho nên ít khi họ mở, trừ khi nào họ thua lắm. Mở lối ấy tức là đánh lừa thiên hạ, vì người ta đã biết là bẻm của nghề đố chữ, phải kiêng chữ Trí-cao, nên không ai đánh. Họ lại tục-truyền rằng mở chữ ấy tuy được lợi trước mắt, nhưng về sau thất bại.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lống An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 28

Quốc công là người bình tĩnh nhất trong đợi chờ. Nhưng đêm đêm ngài vẫn cúi xuống cái bản đồ của Vũ trí Thắng, liệu những đường lối mà Toa Đô thế tất phải qua, và nơi gặp gỡ giữa quân mình và quân địch. Ngài yên trí:

— Chỉ còn đợi xem trận đánh ra sao. Nhưng quân sĩ là những quân tinh nhuệ, tướng tá toàn là những kẻ có đảm lược, có tài trí, không thể nào thua được.

Ngày cứ lặng lẽ trôi, vua tôi thấy bặt mãi tin, đều lấy làm lo lắng. Quốc công phải nói:

— Thua trận này, không những Chiêu văn vương phải nộp đầu, mà chính ta cũng vậy.

Và tướng-sĩ đánh đỡ nhau:

— Một là quân Toa Đô không gặp quân quân và đã hội với quân Thoát Hoan; hai là quân Chiêu văn vương đã gặp quân địch và đã bị phá tan. Khi vương đi, đã dặn lại rằng nếu có sứ về thì tức là thắng, mà không thì tức là thua. Vì thế nên càng đợi lâu bao nhiêu thì người ta càng lo ngại bấy nhiêu. Người ta chỉ được chút yên tâm là trấn Quốc công rất vững. Quốc công đã quyết thế nào, thì thường trăm phần đúng cả, nhất là về việc hành binh thì ngài lại sáng suốt vô cùng. Trăng rằm đã lặn, rồi trăng mười sáu, rồi trăng mười bảy, rồi trăng mười tám. Tính ra Chiêu văn vương đi đã được 15 ngày.

Một bữa giữa lúc đợi chờ đã đưa người ta đến một chán nản, gần như thất vọng, thì một người lính canh ngoài bờ bể báo tin:

— Thuyền Hoài văn hầu!

— Hoài văn hầu đã về!

— Có thực không?

— Hoài văn hầu đâu?

Và tin Hoài văn hầu về chỉ trong chốc lát đã lan đi khắp nơi. Tuy kỷ luật nghiêm minh, người ta cũng đổ ra nghe ngóng tin tức. Những người đi chậm, đã nghe thấy tiếng reo ầm ầm, rồi thấy tướng sĩ xúm xít vây chung quanh Trần quốc Toản, khiến cho ngựa chàng không sao tiến được. Người thì hoa chân múa tay, người thì nhảy lên bạn hữu, người thì tung khăn giơ kiếm, ai nấy đều mặt đỏ bừng bừng, mắt sáng như điện, tiếng hoan hô om-xòm, át cả tiếng bể gầm:

— Thắng rồi! Đại thắng! Hàm tử quan! Quân giặc thua rồi! Toa Đô tan vỡ! Quân giặc thua rồi! Toa Đô tan vỡ! Thắng rồi! Đại thắng rồi!

Sướng quá! Đại thắng! Đại thắng! Khôi phục Thăng-long! Vạn tuế! Vạn tuế! Sát Thát! Khôi phục Thăng long!

Người ta còn nhận rõ những tiếng hô Quốc công, Chiêu văn vương, Chiêu thành vương, Hoài văn hầu, Nguyễn Khoái, Triệu Trung, như những tiếng pháo nổ trong một ngày rước đám.

Hoài văn hầu nói:

— Để ta vào thăm mệnh Quốc công đã. Ta mang tướng lệnh của Chiêu văn vương. Hãy để ta đi, các người.

Mấy người tướng, vui vẻ hiện trên nét mặt, cười duyên nở trên môi, cố kìm giữ nỗi mừng, bảo quân sĩ

— Anh em hãy dẹp ra để Hoài văn hầu đi đã. Việc quan nhỡ ra thì làm thế nào?

Lại tiếng hô:

— Hàm tử quan! Cho chúng biết mặt trai nước Nam, Hàm tử quan! Đánh cho chúng không còn một mảnh giáp. Khôi phục Thăng-long phen này. Đến lượt anh em chúng ta.

Và họ rẽ ra cho Hoài văn hầu đi. Người thiếu niên vừa tế ngựa vừa ném ra bốn phía câu:

— Đại thắng ở Hàm tử quan!

Lời nói của chàng trong và nhẹ như tiếng suối rỏn reo, dượm vẻ, ngây thơ hào hứng. Hầu đã tiến

vào trong dinh Quốc công, Thượng hoàng, vua Thiệu-bảo cũng hấp tấp chạy ra, và hoàng đệ Tá thiên đại vương Đức Việp đang tập trận cũng chạy tới xem tin mừng có thực. Trong khi ấy, tướng sĩ cơ nào đội ấy, trở về trại mình, sửa soạn tấp nập, yên trí là đến lượt họ đi khôi phục Thăng-long ngày mai... Những tiếng ca, tiếng huyên náo, trong các dinh trại nổi lên, hoà với những tiếng đao kiếm chạm nhau, tiếng thứ cung tên, và tiếng kêu Sát Thát...

Hưng đạo vương hỏi Hoài văn hầu :

— Chậu về, chắc có tin mừng chăng chú.

Hoài văn hầu quỳ dưới thềm, thưa :

— Cháu vâng lệnh Chiêu văn vương, về đang tin thắng trận. Hiện có thư của Văn vương và sổ công lao, tình trình hai Thánh và Quốc công.

Hưng Đạo truyền cho Hầu đứng lên, tiếp lấy thư và sổ, thân mật hỏi Quốc Toản :

— Cháu lập công đầu chứ ?

— Bẩm Quốc công, cháu chỉ làm quân chân quân sĩ. Công đầu là ở Triệu Trung tướng quân cả. Thực là một bậc tướng anh hùng.

Thượng hoàng phán :

— Hoài văn hầu, cố mặt ở trận nào là đắng tuấn ấy.

— Tâu Thượng hoàng, đó là hồng phúc của Quốc-gia, thần vũ của hai Thánh, chứ hạ thần có công cán gì.

Vua Thiệu bảo chỉ một cái ghế và phán :

— Hầu ngồi đây, trẫm muốn hỏi truyện vài câu.

Hoài văn hầu bái tạ, ngồi xuống ghế. Thượng hoàng, vua Thiệu-bảo và Quốc công Hưng Đạo cùng xúm lại xem thư của Chiêu văn vương. Thượng hoàng tươi cười phán :

— Đợi mãi mới có ngày nay. Quốc công liệu định thực đúng như nhời. Được vô ngày nay là nhờ Quốc công cả.

Vua hỏi Hoài văn hầu :

— Trận đánh ra sao ? Trẫm phiền Văn-hầu kể lại tường tận cho nghe.

Hầu nói :

— Tâu quan gia, ngày mồng ba quân ta lên đường. Chiêu văn vương sai ngả cờ im trống, truyền lệnh cho quân sĩ ăn mặc như thường dân, chia làm nhiều toán, ngày thì ẩn mà đi, đêm thì tụ lại ; lại lập nhiều đội binh liên lạc các toán để cho toàn quân không rời rạc. Chiêu thành vương và tiểu tướng được lệnh đi trước để tụ tập những chiến thuyền, vì ngày vào Nam, Quốc công đã ký thác cho những đại điền tư xã các làng ở vùng Tràng an, Lý nhân, Thiên mặc.

Văn hầu nhìn Quốc công để tỏ lòng cảm phục, rồi lại tiếp ngay :

— Chiếu trong sổ, không có một chiến thuyền nào thiếu, các đại tiểu tư xã còn đóng sẵn nhiều chiến thuyền cung cho quân quân. Vào các dinh nào, cũng thấy họ đã sửa soạn từ lâu. Chỉ một tiếng mõ rao, là dân ra như kiến, sung vào đội ngũ, tình nguyện tòng chinh. Khí giới, quân nhu, nhất nhất đều sẵn sàng ; ai nấy đều có thích chữ « Sát Thát » ở cánh tay. Tiểu tướng không ngờ lòng dân hăng hái đến bực ấy.

Vua ngạc nhiên bảo Hưng Đạo vương :

— Trẫm cũng không ngờ.

Hưng Đạo chậm rãi :

— Lão phu đã biết lòng dân, nên trong buổi ba đào, lão phu vẫn không nản chí.

Hầu lại tiếp :

— Thành thử quân của Triều-đình chỉ có một vạn, mà lúc đến cửa Hàm tử thì nhiều đến năm vạn người, và các chiến thuyền thuyền nhỏ có đến ba trăm chiếc. Vừa tới Hàm tử thì có tin quân Toa Đô đang đánh lên, chỉ còn cách 20 dặm. Chiêu văn vương trở khúc sông và bảo tướng sĩ :

— Ta chết sống ở chốn này. Không cho Toa Đô qua nữa. Toa Đô sa vào lưới của Quốc công rồi. Tướng sĩ ! các ngươi đừng làm uổng bao nhiêu công lao trù tính của Quốc công. Dịp may chỉ có một lần, ta nên sống chết ở chốn này, các ngươi nên tận lực.

Tiếng hô « Sát Thát » vang lên. Vương chia binh thuyền phục sẵn các ngành sông. Sau khi đã bày binh bố trận đâu đấy cả rồi, Vương thân dẫn một chiếc thuyền con đi thành tra các nơi cho thực chu đáo. Rồi vương về thuyền riêng, cùng Triệu Trung đánh cờ. Bấy giờ là tầng sáng ngày 18 tháng tư. Theo lệnh vương, quân quân được nghỉ ngơi từ sáng đến gần trưa.

Trưa mười ba thì có tin quân Toa Đô đã gần. Quân ta nhìn

nhau, ngọn thở vì vui mừng. Trời như thiêu như đốt, nắng chang chang. Thám tử báo quân Toa Đô đến một nhoài và người chết bị quẳng xuống sông nhiều lắm. Chúng nghênh ngang đi, chiến thuyền lộn xộn, cờ hiệu không tề chỉnh, và tiếng trống nghe ra cũng chểnh mảng. Không phải vì kỷ luật họ không nghiêm, chính thực thì họ không phòng bị. Họ không ngờ quân ta đón đường. Mà quả vậy. Dù bắt gặp mấy chiếc thuyền của ta đi trinh sát, họ cũng không để ý, cho là thuyền đánh cá hay thuyền chở hàng không đáng quan tâm.

Quân Toa Đô đương vô tình, thì một tiếng pháo lệnh nổ ran, quân ta nín chờ từ bao nhiêu ngày tháng, nhất tề lăn xả vào thuyền giặc. Triệu tiên sinh và ba trăm tử đệ đi trước, nêu cao ngọn cờ nhà Tống. Họ đều mặc áo Tống, Triệu tiên sinh mỗi tay cầm một ngọn kích, gạt những tên bắn quanh mình, hăng hái mở đường cho quân ta. Chiêu văn vương đã tuyển một nghìn quân ta cũng cho ăn bận theo lối quân nhà Tống, phao tin lên rằng quân Tống đã khôi phục được nước và nay đem viện binh sang giúp nước Nam đánh lại quân Mông cổ. Quân Toa Đô trông thấy, Triệu tiên sinh, có người nhận ngay ra là một tướng cũ nhà Tống. Tưởng nhà Tống đã khôi phục được nước Tàu rồi, họ sợ hết vía, kêu khóc như ri, hoang mang không còn có lòng đánh trận nữa ; lại thêm mệt mỏi, họ không nghĩ cả đến việc chống cự. Triệu Trung cứ thúc thuyền sấn sang trận giặc, và chỉ nháy mắt, mười chiếc thuyền tiền đội của Toa Đô đã bị đánh đắm. Quân ta càng nô nức, đánh uà xuống. Tiểu tướng cùng Chiêu thành vương nhảy sang một thuyền giặc, chém được một đầu mục, vứt đầu lâu ném sang thuyền khác, đánh ngã luôn mấy đứa, quẳng mống sông. Vận may đã tới, sức đánh rất hăng, gươm giáo cũng khôn ra. Tướng sĩ vui mắt đua nhau làm theo, tha hồ chém giết, như băm rưa, đoạt được đến sáu chục chiến thuyền lớn. Toa Đô xông xáo, thét quân dừng lại, sai chèo thuyền sấn lại đánh Triệu tiên sinh. Hai tướng đấu nhau thực là vui mắt. Thấy vậy, quân Nguyên không rối loạn nữa. Oai phong của chúng lại nổi ; chúng đánh rất hăng, không nhường một bước. Bấy giờ quan quân mới thực là gặp địch thủ. Triệu tiên sinh quả là hết lòng với nước Nam, trổ hết thần uy đánh Toa Đô. Quan quân không tiến được mấy nữa và chật vật mãi mới đánh chìm được một chiếc chiến thuyền. Ba trăm tử đệ của Triệu tiên sinh đánh hăng hơn cả quân nhà ; họ chết đã quá nửa, nhưng những người còn sống vẫn thản nhiên. Nghĩ mình đánh cho mình, chết là phải rồi ; nhưng thấy họ chết cho người, thực là ân hận thay cho họ... Chiêu thành vương và tiểu tướng thấy Triệu tiên sinh đánh mãi Toa Đô không đổ, xông lại giúp, nhưng các tướng Mông cổ cả ra đối địch, phút chốc trên mũi thuyền chỉ toàn những tướng đánh nhau.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Công cuộc kiến thiết

(Tiếp theo trang 3)

của họ, ở bầu thì dài, ở ống thì tròn, thành thử bao nhiêu những điều tốt nết hay là đặc tính của một dân tộc có lịch-sử mấy nghìn năm nay bỗng chốc như nước đổ ra biển đông hết sạch !

Giờ chính là lúc cần phải cải-tạo cái tinh-thần của dân ta. Phàm những « phim chớp bóng » nào, những tranh ảnh nào, những sách truyện nào có hại đến dân đức đều cần phải bài trừ triệt-để. Đồng thời lại phải có những ấn-loát phẩm, hội-họa phẩm, âm-nhạc phẩm, v. v. rất lựa-lọc, rất thích-hợp để trau-giồi về phần đức dục cho dân-chúng.

Một khi dân chúng đã có những đức tốt để làm căn bản thì bấy giờ mới dễ nói đến những chuyện ái quốc, ái quần được. Gỗ tốt cần cho việc chạm trổ thế nào thì dân đức cũng cần cho công cuộc kiến-thiết một quốc-gia thế ấy.

HOA-BANG

Đã in xong :

ĐÀO-DUY-TỪ

của Khái-Sinh Đương-Tự Quán 180 trang — giấy tốt 3$ — giấy bản 5$ — cước 0,90. Để cho hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông — Hanoi.

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi